

Phụ lục 5

(Kèm theo Thông tư số 32 /2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

Mẫu 05a

**TRUNG TÂM ỨNG PHÓ
SỰ CỐ AN TOÀN MÔI
TRƯỜNG**
Số:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(1)....., ngày tháng năm

Kính gửi: Sở Công Thương..... (2)

Thực hiện quy định của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định, (Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo tình hình hoạt động hóa chất năm như sau:

Phần I: THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức/ cá nhân:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số
.....do cấp ngày tháng năm.....

4. Mã số thuế:

5. Danh sách các cơ sở hoạt động hóa chất

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Điện thoại	Fax

Phần II: XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT

2.1. Xuất nhập khẩu tiền chất công nghiệp, hóa chất hạn chế sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp

Hóa chất	Hàm lượng	Số Giấy phép ⁽³⁾	Ngày cấp	Hoạt động				Số lượng thực nhập, xuất khẩu (Kg)	Nước xuất khẩu hoặc nhập khẩu	Tờ khai Hải quan (số, ngày/tháng/năm)	Tên tổ chức mua hoặc bán hóa chất chỉ liên
				NK	XK	NK ND	XK ND				
			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				
			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				
										
			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				
			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				
		Tổng cộng:									

2.2. Xuất, nhập khẩu các hóa chất khác

STT	Tên Hóa chất	Hàm lượng	Tổng lượng nhập khẩu trong năm	Tổng lượng xuất khẩu trong năm
1.				
2.				
<u>n</u>				

Phần V: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG HÓA CHẤT

1. Cơ sở sử dụng hóa chất 1:

Tên cơ sở: Địa
chỉ:.....

STT	Tên thương mại	Tên hóa chất (tên thành phần chính)	Mã số CAS	Nồng độ hoặc hàm lượng	Khối lượng sử dụng (Kg/năm)	Mã mục đích sử dụng (8)	Mục đích sử dụng	
I	Hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh							
1								
n								
II	Hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện							
II.1	<i>Tiền chất công nghiệp</i>							
1								
N								
II.2	<i>Hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện khác</i>							
1								
n								
III	Hóa chất nguy hiểm khác							
1								
n								

n. Cơ sở sử dụng hóa chất n:

Phần VI: CÔNG TÁC AN TOÀN HÓA CHẤT

1. Tình hình chung thực hiện quy định về an toàn hóa chất

- Đã xây dựng Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: có/không

- Trong năm có thay đổi nội dung Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: có/không.

Trong trường hợp có thay đổi đề nghị nêu rõ nguyên nhân.

- Trong năm có tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất theo Kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã xây dựng: có/không

Trường hợp có tổ chức diễn tập đề nghị nêu rõ thời gian, địa điểm tổ chức, các cơ quan, đơn vị tham gia, phối hợp.

2. Tình hình tai nạn, sự cố

Số xảy ra sự cố hóa chất	Tên hóa chất có liên quan	Mã số CAS	Hậu quả đối với cơ sở			Hậu quả đối với khu vực xung quanh			Khoảng cách xa nhất chịu ảnh hưởng
			Số người chết	Số người bị ảnh hưởng sức khỏe	Ước tính thiệt hại vật chất	Số người chết	Số người bị ảnh hưởng sức khỏe	Ước tính thiệt hại vật chất	

Báo cáo chi tiết nguyên nhân, diễn biến, hậu quả và quá trình khắc phục từng sự cố:

.....

.....

3. Tình hình thực hiện huấn luyện an toàn hóa chất

TT	Đợt huấn luyện	Giảng viên	Số người được huấn luyện	Số người đạt yêu cầu	Ghi chú
I	NHÓM 1:				
1	Ngày....tháng...năm	Họ tên Trình độ, chức vụ công tác			
n	Ngày....tháng...năm	Họ tên Trình độ, Chức vụ công tác			
II	NHÓM 2:				
1	Ngày....tháng...năm	Họ tên Trình độ, Chức vụ công tác			
n	Ngày....tháng...năm	Họ tên			

		Trình độ, chức vụ công tác		
III	NHÓM 3:			
1	Ngày....tháng...năm	Họ tên Trình độ, Chức vụ công tác		
n	Ngày....tháng...năm	Họ tên Trình độ, chức vụ công tác		

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục Hóa chất;
-

...(1)../, ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp Giấy phép đóng trụ sở chính;
- (2): Sở Công Thương nơi đặt cơ sở hoạt động hóa chất;
- (3): Số giấy phép xuất nhập khẩu tiền chất, số Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp;
- (4): Chỉ yêu cầu báo cáo đối với các hóa chất là tiền chất công nghiệp;
- (5) Chỉ áp dụng với báo cáo tình hình hoạt động hóa chất năm 2018;
- (6): Chỉ yêu cầu báo cáo đối với các hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp và tiền chất công nghiệp;
- (7): Chỉ yêu cầu báo cáo đối với khai báo hóa chất sản xuất;
- (8): Sử dụng các mã phù hợp với mục đích sử dụng chung được liệt kê tại bảng dưới đây:

Mã danh mục sử dụng	Danh mục sử dụng
01	<i>Các chất trung gian</i>
02	<i>Dung môi cho sơn, vec ni, chất phủ, mực in và sản phẩm diệt khuẩn</i>
03	<i>- Dung môi cho chất kết dính, chất kết dính nhạy áp suất</i>
04	<i>- Dung môi làm sạch và tẩy nhờn kim loại</i>
05	<i>- Dung môi để làm sạch vải (công nghiệp giặt là, sấy khô)</i>
06	<i>- Dung môi làm sạch khác</i>
07	<i>- Dung môi để sản xuất và chế biến hóa chất</i>
08	<i>- Dung môi cho sol khí</i>
09	<i>- Dung môi khác</i>
10	<i>- Bộ điều chỉnh quy trình hóa học</i>
11	<i>- Chất tạo màu</i>
12	<i>- Sản phẩm giặt và làm sạch sử dụng trong công nghiệp</i>
13	<i>- Sản phẩm giặt và làm sạch sử dụng trong hộ gia đình, cơ quan</i>
14	<i>- Đánh bóng và pha trộn sáp (ví dụ như sàn, xe hơi, da)</i>
15	<i>- Sơn và lớp phủ (bao gồm sơn lót)</i>

16	- Mực in và toners (gồm mực in cho văn phòng phẩm và resist inks - in cán)
17	- Chất chống ăn mòn cho sơn đáy tàu, chất chống ăn mòn cho lưới cá
18	- Các sản phẩm diệt khuẩn (I) (Trên/ trong sản phẩm)
19	- Các sản phẩm diệt khuẩn (II) [Không trên/ trong sản phẩm] sử dụng trong công nghiệp
20	- Các sản phẩm diệt khuẩn (III) sử dụng trong hộ gia đình, cơ quan
21	- Các sản phẩm nổ [bao gồm pháo hoa]
22	- Làm mát không khí, khử mùi
23	- Chất kết dính và chất bịt kín
24	- Vật liệu cảm quang, vật liệu chụp ảnh và vật liệu tẩm in
25	- Sản phẩm dệt may (bao gồm chế biến vải không dệt)
26	- Sản phẩm giấy và bìa
27	- Sản phẩm nhựa
28	- Sản phẩm cao su
29	- Sản phẩm da
30	- Sản phẩm thủy tinh, tráng men và xi măng
31	- Sản phẩm gốm sứ, gốm mỏng và chịu lửa
32	- Sản phẩm bánh mài, hợp chất mài, vật liệu ma sát và chất bôi trơn thể rắn
33	- Sản phẩm kim loại
34	- Hóa chất xử lý bề mặt
35	- Sản phẩm hàn
36	- dung dịch thủy lực, dầu cách điện, dầu chế biến, dầu bôi trơn (VD. Dầu làm trơn động cơ, dầu ổ trục, dầu máy nén, dầu mỡ)
37	- Chất lỏng sử dụng trong xử lý kim loại (ví dụ: dầu cắt, dầu cán, dầu ép, dầu làm nguội), dầu chống rỉ
38	- Sản phẩm điện và điện tử
39	- Pin điện, ác quy
40	- Hóa chất xử lý nước
41	- Chất làm khô và chất hấp thụ
42	- chất lỏng truyền nhiệt
43	- Sản phẩm chống đóng băng và xả băng
44	- Phụ gia cho vật liệu xây dựng và các sản phẩm xây dựng (ví dụ: phụ gia bê tông, chất ngậm tâm gỗ)
45	- Chất phụ gia cho vật liệu xây dựng và sản phẩm xây dựng (VD. Chất tan chảy tuyết, điều hòa đất, bình cứu hỏa)
46	- Hóa chất tuyển nổi
47	- Nhiên liệu và phụ gia nhiên liệu
48	Mục đích sử dụng khác